

Số: 216/QĐ-TTTHCS

Đông Triều, ngày 26 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai của nhà trường
theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT
Năm học 2021-2022**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS HOÀNG QUẾ

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân”;

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường năm học 2021-2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay kiện toàn Ban chỉ đạo triển khai thực hiện Quy chế công khai nhà trường theo Thông tư 36/2017-TT-BGDĐT gồm các ông (bà) có tên sau :

- | | | |
|--------------------------|-------------------|------------------|
| 1. Bà Đinh Thị Ngọc Dung | - Hiệu trưởng | Trưởng ban |
| 2. Bà Đặng Thị Mai Quế | - Phó Hiệu trưởng | Phó ban TT |
| 3. Bà Bùi Thị Diệu Thuý | - Chủ tịch CĐ | Phó ban giám sát |
| 4. Bà Nguyễn Thị Hải Yến | - TKHĐ | Thư ký |
| 5. Bà Bùi Thị Sáu | - Trưởng ban TTND | Ủy viên |
| 6. Bà Phạm Thị Đan | - Tổ trưởng Tổ TN | Ủy viên |
| 7. Bà Vương Thị Kim Hoa | - TPT Đội | Ủy viên |
| 8. Bà Nguyễn Thị Phi Nga | - Tổ trưởng Tổ XH | Ủy viên |
| 9. Bà Ngô Thị Thảo | - TT tổ văn phòng | Ủy viên |

Điều 2. Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai theo kế hoạch, thời gian và nhiệm vụ được phân công; thu thập đầy đủ, chính xác các số liệu để kê khai các biểu mẫu 09, 10, 11, 12 gồm nội dung: Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; Công khai thu, chi tài chính .

Điều 3. Các ông (bà) có tên ở điều 1 thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhân:

- Phòng GD(b/c);
- Như điều 1 (t/h);
- Toàn thể CBGV(g/s)
- Lưu VT



Đinh Thị Ngọc Dung

Số: 228 /KH - TrTHCS

Đông Triều, ngày 27 tháng 8 năm 2021

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quy chế công khai nhà trường Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT

Năm học 2021 - 2022

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện nhiệm vụ năm học 2021 – 2022,

Trường THCS Hoàng Quế xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. Mục đích yêu cầu

1. Mục đích

Thực hiện công khai cơ sở giáo dục trường học nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục, để xã hội tham gia giám sát và đánh giá theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu

Thực hiện công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

Việc thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm theo quy định của quy chế thực hiện công khai.

II. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai

- Ban Chỉ đạo của Trường do Hiệu trưởng làm Trưởng ban. Phó Hiệu trưởng và Chủ tịch Công đoàn là các Phó trưởng ban. Trưởng các bộ phận, tổ chức đoàn là các uỷ viên của Ban chỉ đạo.

- Hiệu trưởng (Trưởng ban chỉ đạo) tổ chức học tập, quán triệt nội dung Thông tư 36/2017-TT-BGDĐT trong Hội đồng sư phạm nhà trường.

- Các thành viên trong ban chỉ đạo thực hiện theo sự phân công của trưởng, phó ban, căn cứ Quy chế công khai ban hành theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tiến hành thu thập thông tin, số liệu kê khai các biểu mẫu: 09, 10, 11, 12 báo cáo nội dung công khai: Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; Công khai thu, chi tài chính; đồng thời phải bảo đảm thời gian hoàn tất báo cáo để công khai trước tập thể nhà trường, phụ huynh học sinh và cơ quan lãnh đạo Phòng Giáo dục- Đào tạo đúng lộ trình đề ra trong kế hoạch.

- Phó ban thường trực, Phó ban giám sát, Thanh tra nhân dân giúp Trưởng ban thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thành viên Ban chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Quy chế và văn bản hướng dẫn thực hiện kế hoạch công khai của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

III. Các nội dung thực hiện công khai

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

- Điều kiện tuyển sinh vào lớp đầu cấp; thực hiện chương trình giảng dạy; công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình học sinh; những yêu cầu về thái độ học tập của học sinh; điều kiện CSVC nhà trường cam kết phục vụ tốt cho học sinh (phòng học tập, thiết bị, tin học...); các hoạt động hỗ trợ cho việc học tập, sinh hoạt của học sinh; tình hình đội ngũ CB-CC và phương pháp quản lý nhà trường; kết quả học lực, hạnh kiểm; sức khỏe học sinh trong; khả năng tiếp tục học tập của học sinh (đính kèm biểu mẫu số 09).

- Chất lượng giáo dục: kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm của học sinh cuối năm học tính theo từng khối lớp; số học sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi cấp thị xã, Tỉnh; tỉ lệ học sinh được công nhận TN THCS, đỗ vào lớp 10 hệ công lập, số học sinh nam, nữ từng khối lớp (Biểu 10).

- Kết quả XD trường đạt chuẩn quốc gia.

- Kết quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường: kế hoạch tổ chức kiểm định, báo cáo tự đánh giá, (đánh giá ngoài).

2. Công khai về các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

- Cơ sở vật chất: về số lượng và diện tích các phòng học, phòng chức năng, sân chơi bãi tập được tính bình quân trên một học sinh; tổng số thiết bị phục vụ dạy học được tính bình quân trên một lớp; số lượng máy vi tính; khu nhà vệ sinh; nguồn nước sinh hoạt; nguồn điện ánh sáng; kết nối thông tin mạng Internet, tường rào bảo vệ trường (đính kèm biểu mẫu số 11).

- Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (tính đến 01/10/2021), tổng số CB-VC, hình thức tuyển dụng theo NĐ 116 (biên chế, hợp đồng làm việc); các hình thức hợp đồng khác theo NĐ 68; trình độ đào tạo (đính kèm biểu mẫu số 12).

- Số lượng giáo viên, CBQL và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính

- Tình hình tài chính của nhà trường: công khai tài chính theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC, ngày 28/12/2017 của Bộ tài chính về ban hành Thông tư hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

- Học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học.

- Các khoản chi theo từng năm học như: chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, chi tham quan học tập; mức thu nhập tăng thêm của CB, giáo viên, nhân viên (mức cao nhất, mức thấp nhất), chi thường xuyên, chi đầu tư sửa chữa, mua sắm.

- Kết quả thực hiện chính sách về trợ cấp hàng năm và miễn, giảm học phí cho học sinh thuộc các đối tượng chính sách xã hội (đính kèm bảng thống kê, báo cáo chi tiết).

IV. Phân công nhiệm vụ các thành viên tham gia điều tra cung cấp số liệu, thông tin

1. Bà Đinh Thị Ngọc Dung (TB): Chỉ đạo điều hành tổ chức triển khai Thông tư: 36/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD-ĐT, các công văn hướng dẫn của Phòng GD-ĐT Đông Triều và kế hoạch của nhà trường đến tất cả toàn thể Hội đồng sư phạm

nhà trường, PHHS.

2. Bà Đặng Thị Mai Quế (phó ban TT): Chỉ đạo trực tiếp các thành viên tiến hành điều tra thông tin, thu thập số liệu cập nhật vào các biểu mẫu số 09, 10, 11 và 12 và điều hành kê khai báo cáo thu chi tài chính; tổ chức kiểm tra và nhập thông tin.

3. Bà Bùi Thị Diệu Thuý (Phó TB giám sát): Thực hiện chức năng giám sát các cá nhân, bộ phận kê khai trên các báo cáo, biểu mẫu trung thực, chính xác, tập hợp các loại hồ sơ để niêm yết công khai như: Nội qui, Qui chế làm việc của nhà trường; Qui chế dân chủ cơ sở; Bản tổng hợp chất lượng giáo dục; Bảng phân công lao động; Qui chế chi tiêu nội bộ; kiểm tra thời gian tổ chức công khai, địa điểm công khai và thường xuyên báo cáo Trưởng ban về tình hình triển khai Qui chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục nhà trường.

4. Bà Nguyễn Thị Hải Yến (Thư ký): Tổng hợp thông tin báo cáo, các biểu mẫu kê khai, nhập dữ liệu trên máy vào các biểu mẫu báo cáo.

5. Nhóm công tác gồm:

- Kê khai biểu mẫu số 09,10: Nguyễn Thị Phi Nga (nhóm trưởng), Phạm Thị Đan

- Kê khai biểu mẫu 11: Ngô Thị Thành.

- Kê khai biểu mẫu 12: Ngô Thị Thảo.

6. Báo cáo thu, chi tài chính: Ngô Thị Thành

7. Tổng hợp nhập máy các biểu mẫu, báo cáo, chọn địa điểm để niêm yết công khai các nội dung qui định theo Thông tư 36/2017-TT-BGDĐT và Kế hoạch, ghi chép biên bản các cuộc họp Ban chỉ đạo và Hội đồng sư phạm, giúp Trưởng ban hoàn thành kế hoạch thực hiện Qui chế công khai: Ngô Thị Phương Loan.

V. Tổ chức thực hiện

1. Về hình thức và địa điểm công khai

Tổ chức công khai trên Website của nhà trường, trong cuộc họp Hội đồng sư phạm nhà trường, trong cuộc họp với Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp, trường; các tài liệu in đầy đủ niêm yết ở vị trí Văn phòng, bản tin để thuận tiện theo dõi.

2. Thời gian công khai

- Công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường vào tháng 9 (đầu năm học), tháng 01 (sau sơ kết học kỳ I) và tháng 5 (cuối năm học) hằng năm và khi có sự thay đổi các số liệu trong các biểu mẫu công khai, công khai tại nhà trường đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi khai giảng năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

- Niêm yết công khai tại văn phòng nhà trường, đảm bảo thuận tiện để xem xét. Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/c);
- UBND Phường HQ (b/c);
- Hội CMHS (b/c);
- BCĐ, Toàn thể CBGV (t/h);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đinh Thị Ngọc Dung

PHÒNG GD&ĐT ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG THCS HOÀNG QUẾ

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở
Năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Học sinh đã hoàn thành chương trình Tiểu học có hộ khẩu ở 6 thôn trên địa bàn, độ tuổi: sinh năm 2010, có hồ sơ hợp lệ. Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT về đánh giá HS THPT	HS đủ điều kiện lên lớp theo thông tư 58/2011/TT-BGD&ĐT ngày 12/12/2011. Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT thông tư sửa đổi bổ sung quy chế đánh giá xếp loại HS kèm theo thông tư 58. Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT về đánh giá HS THPT	HS đủ điều kiện lên lớp theo thông tư 58/2011/TT-BGD&ĐT ngày 12/12/2011. Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT thông tư sửa đổi bổ sung quy chế đánh giá xếp loại HS kèm theo thông tư 58. Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT về đánh giá HS THPT	HS đủ điều kiện lên lớp theo thông tư 58/2011/TT-BGD&ĐT ngày 12/12/2011. Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT thông tư sửa đổi bổ sung quy chế đánh giá xếp loại HS kèm theo thông tư 58. Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT về đánh giá HS THPT
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	1. Thực hiện kế hoạch giáo dục với thời lượng là 35 tuần thực học trong đó: HKI 18 tuần, HKII 17 tuần. 2. Thực hiện chương trình chính khóa quy định hiện hành do Bộ trưởng BGD&ĐT ban hành (theo QĐ số: 16/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 05/5/2006 của Bộ GD&ĐT). Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực HS từ năm học 2021-2022 theo CV hướng dẫn số 2197/SGD-GDTrH ngày 24/8/2020. 3. Thực hiện dạy tự chọn Khối 7, 8, 9 (Từ 07/9/2020 dạy học tự chọn môn Ngữ văn và Toán, theo chủ đề bám sát khối 9. Môn Tin học cho khối 7,8)			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	1. Hợp phụ huynh đầu năm: Kien toàn Ban đại diện Cha Mẹ học sinh, thông báo kết quả năm học trước, đề ra kế hoạch thực hiện trong năm, bàn biện pháp phối kết hợp giáo dục học sinh. 2. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh : 2.1. Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ học sinh qui định tại điều lệ trường THCS 2.2. Có hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục theo đúng qui định của nhà trường 2.3. Không vi phạm những điều cấm đối với học sinh theo qui định của Điều lệ trường THCS 2.4. Có thái độ tích cực đấu tranh ngăn chặn những hành vi bị cấm ở trong nhà trường và giúp bạn cùng tiến bộ.			

IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục.	- Có diện tích sân chơi bãi tập, đảm bảo trường học Xanh - Sạch - Đẹp, đảm bảo an toàn, thân thiện. Có đủ SGK, vở viết cho học sinh, Quỹ hội "Chữ thập đỏ" ủng hộ HS nghèo, có hoàn cảnh khó khăn đảm bảo đủ điều kiện học tập. - Học sinh yếu kém được nhà trường tổ chức học phụ đạo để theo kịp chương trình. - Học sinh giỏi được bồi dưỡng để tham gia dự thi học sinh giỏi các cấp. - Được thi đấu chọn đội tuyển vòng trường các môn: Điền kinh, Bóng bàn, Cầu lông, Bóng đá thiếu niên và tham gia dự thi các cấp. - Các hoạt động giáo dục hỗ trợ học tập, sinh hoạt: Sinh hoạt Đội, hoạt động tập thể; Hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động giáo dục Hướng nghiệp (đối với lớp 9 thời lượng 9 tiết/ năm học); GD kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm STEM,			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Hạnh kiểm: 96,5% Tốt , 3,5 %Khá ; 0 % trung bình. - Học lực : + Loại Giỏi: 30,5%; + Loại Khá: 42,5%; + Loại Tb: 25,5 % + Loại Yếu: 1,5% - Tỷ lệ chuyển lớp thăng: 99,96% trở lên; Tỷ lệ lên lớp sau kiểm tra lại 100% , đủ điều kiện xét Tốt nghiệp THCS: 100%. Tỷ lệ trúng tuyển vào lớp 10, hệ công lập, trường THPT Hoàng Hoa Thám: Từ 65% trở lên. - Sức khỏe học sinh : + Học sinh được khám sức khỏe 1 lần/năm (Trạm y tế xã Hoàng Quế - Thị xã Đông Triều thăm khám) được vận động tiêm phòng đầy đủ các loại vacxin trong năm theo yêu cầu Trung tâm YT dự phòng thị xã. + Học sinh được đánh giá sức khỏe cuối năm theo QĐ số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 về việc Qui định đánh giá xếp loại thể lực HS-SV, dự kiến: Loại Tốt: 97,1 % , 2,9% đạt loại khá.			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh.	100%	100%	100%	- Đủ điều kiện xét tốt nghiệp THCS: 100% - Được Trường phòng GD&ĐT cấp bằng tốt nghiệp THCS. - Được học tiếp lớp 10 THPT hoặc bỏ túc THPT, học nghề.

Đông Triều, ngày 05 tháng 9 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

Đinh Thị Ngọc Dung

PHÒNG GD&ĐT ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG THCS HOÀNG QUẾ

Biểu mẫu 10

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	486	126	134	107	119
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	476=97,94%	126=100%	132=98,51%	103=96,26%	115=96,64%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	7=1,44%	0=0 %	2=1,49%	4=3,74%	1=0,84%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	3=0,62%			0	3=2,52%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	484	126	134	107	119
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	138=28,4%	40=31,75%	46=34,33%	28=26,17%	24=20,17%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	235=48,35%	54=42,86%	75=55,97%	59=55,14 %	47=39,5%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	112=23,05%	32=25,4%	13=9,7%	19=17,76%	48=40,34%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	01=0,21%	0	0	1=0,93%	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	484	126	134	107	117
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)					
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	138=28,4%	40=31,75%	46=34,33%	28=26,17%	24=20,17%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	235=48,35%	54=42,86%	75=55,97%	59=55,14 %	47=39,5%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	01=0,21%	0	0	1=0,93%	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0/2	0/0	0/0	0/1	2/1
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

**PHÒNG GD&ĐT ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG THCS HOÀNG QUẾ**

Biểu mẫu 11

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	17	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học	17	-
1	Phòng học kiên cố	13	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	3	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/ 1 phòng	-
8	Bình quân học sinh/lớp	39,8 HS/ 1 lớp	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	3237.3	7
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	2000	4,3
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	696	1,14
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	232	0,45
3	Diện tích thư viện (m ²)	52	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	60	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	1/1	Số bộ/lớp

1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	4	1
1.2	Khối lớp 7	4	1
1.3	Khối lớp 8	4	1
1.4	Khối lớp 9	4	1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	2	
2.2	Khối lớp 7	2	
2.3	Khối lớp 8	2	
2.4	Khối lớp 9	2	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	28	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	4	
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	6	
5	Thiết bị khác...		
6			

X	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	4	
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	6	

5	Thiết bị khác...		
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02		02		41m ² / 41m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	Đạt		Đạt		

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Đồng Triều, ngày 05 tháng 9 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



Đinh Thị Ngọc Dung

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Không đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	27	0	2	21	3	1	0	6	18		21	1	2	
I	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	22	0	2	18	2	0	0	6	16		19	1	2	
1	Toán	4		2	2				3	1		4			
2	Lý	1			1					1		1			
3	Hóa	1			1					1		1			
4	Sinh	3			2	1			1	2		2		1	
5	Địa	1			1					1		1			
6	Văn	5			5				1	4		4		1	
7	Sử	1								1		1			
8	Ngoại Ngữ	2			2					2		2			
9	GDCD	1			1				1	1		1			
10	Tin	1			1					1		1			
11	Âm Nhạc	1			1					1			1		
12	Mĩ Thuật	0													
13	Thể dục	1			1					1		1			
II	Cán bộ quản lý	2													
1	Hiệu trưởng	1			1					1		1			

11	Âm Nhạc	1			1					1			1	
12	Mĩ Thuật	0												
13	Thể dục	1			1					1			1	
II	Cán bộ quản lý	2												
1	Hiệu trưởng	1			1					1			1	
2	Phó hiệu trưởng	1			1					1			1	
III	Nhân viên	3				1	1							
1	Nhân viên văn thư	1					1							
2	Nhân viên kế toán				1									
3	Thủ quỹ													
4	Nhân viên y tế													
5	Nhân viên thư viện					1								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm													
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người Khuyết tật													
8	Nhân viên công nghệ thông tin													
9	...													

Đông Triều, ngày 05 tháng 9 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



Đinh Thị Ngọc Dung